

Bản án số: 667/2024/HC-PT
Ngày: 24/12/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải
phóng mặt bằng khi thu hồi đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mai;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 524/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13266/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T1 và ông Đinh Hữu C, Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H - Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Chính Q - Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Đức T trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông là ông Nguyễn Đức P (chết năm 2020) và bà Mai Thị H1. Quá trình chung sống ông P, bà H1 đã tạo lập được tài sản là diện tích đất ở 824m², thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2HQ; địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện T. Diện tích đất này đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 047477, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 01144/H/2006 ngày 04/5/2006 đứng tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn P1, vợ là bà Mai Thị H1.

Ngày 22/02/2017, ông P1, bà H1 đã lập hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Đức T diện tích 85,5m² đất ở tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2HQ; có chứng thực của Văn phòng C3, số công chứng: 00230, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.

Sau khi được bố mẹ tặng cho phần diện tích đất nêu trên, gia đình ông T đã ăn ở trên diện tích đất này và chuẩn bị hồ sơ đăng ký biến động đất theo quy định. Tuy nhiên, thời điểm này diện tích đất của gia đình ông T nằm trong diện quy hoạch của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu tái định cư B tại xã D, huyện T nên ông T chưa thực hiện được việc đăng ký biến động đất đai và cũng chưa khai báo với Ủy ban nhân dân xã D

Ngày 29/12/2017, UBND huyện T ban hành Thông báo số 555/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu tái định cư B tại xã D, huyện T (viết tắt là Dự án B), Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, Quyết định số 7659/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 và Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án (kèm theo là Phương án bồi thường, hỗ trợ số 16/PA-TCT ngày 26/10/2020 và Phương án bồi thường, hỗ trợ số 09/PA-TCT ngày 18/01/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất). Gia đình ông T đồng tình với chủ trương thu hồi đất của Nhà nước, đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Tuy nhiên, ông T thấy rằng việc UBND huyện T khi thu hồi đất đã không xem xét, hỗ trợ tái định cư cho ông T là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T. Do đó, ngày 12/9/2023 ông T đã có đơn kiến nghị gửi UBND huyện T về việc xem xét, hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông. Ngày 02/11/2023, UBND huyện T ban hành Văn bản số 3698/UBND-TTr xác định ông T không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư. Ông T cho rằng Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T là trái quy định pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T nên đã làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên:

- Huỷ Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Buộc UBND huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức T.

Ông Thân yêu C1 Toà án giải quyết như trên vì các lý do:

Thứ nhất: Theo Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của Ủy ban huyện T đã thu hồi diện tích 498,5m² đất ở của ông P1, bà H1, trong đó có diện tích 85,5m² đất ở đã được ông P1, bà H1 tặng cho ông T ngày 22/02/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 75, điểm c khoản 1 Điều 100; khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì người có đất bị thu hồi sẽ được Nhà nước hỗ trợ giao đất tái định cư. Căn cứ các quy định này thấy rằng diện tích đất 85,5m² đất ở của ông T đã bị thu hồi, hoàn toàn đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được bồi thường về đất theo quy định.

Thứ hai: Gia đình ông T không còn đất, nhà ở nào khác trên địa bàn xã D, hiện phải sống nhờ nhà của mẹ ông T.

Người bị kiện là UBND huyện T, thành phố Hải Phòng trình bày:

- Về nguồn gốc đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp số seri AE 047477, số vào sổ 01144/H/2006 ngày 04/5/2006 đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Đức P, vợ là bà Mai Thị H1 được quyền sử dụng diện tích 824m² đất ở tại thửa số 166, tờ bản đồ số 02HQ, địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện T.

Theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm K đo vẽ được Sở T5 ký duyệt ngày 29/12/2017 thể hiện: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 824,0m², trong đó diện tích trong chỉ giới thu hồi là 498,5m², diện tích ngoài chỉ giới thu hồi đất là 325,5m².

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Trích đo địa chính thu hồi đất xác định hộ ông Nguyễn Đức P (bố đẻ của ông Nguyễn Đức T) đang sử dụng đất tại thửa số 166, tờ bản đồ số 02HQ, diện tích 824m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo Mảnh trích đo địa chính thu hồi đất là thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 824m². Trong đó, diện tích trong chỉ giới thu hồi đất 498,5m², diện tích ngoài chỉ giới thu hồi đất 325,5m².

Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện T và UBND xã D Trích lục nguồn gốc đất đai khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án B đã được Phòng T6 thẩm định, xác định đối tượng quản lý sử dụng đất là ông Nguyễn Đức P, vợ là Mai Thị H1. Ủy ban huyện T ký duyệt là đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Đất đai 2013.

- Về kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ:

Ngày 29/12/2017, Ủy ban huyện T ban hành Thông báo số 555/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án B. Ngày 15/3/2018, UBND huyện T họp dân, triển khai Thông báo thu hồi đất và công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; bàn giao Thông báo thu hồi đất, bàn giao Bản tự kê khai đất, tài sản trên đất đến các hộ dân thuộc chỉ giới thu hồi đất.

Ngày 16/4/2018, Tổ công tác giải phóng mặt bằng của Dự án Bắc Sông C2 lập Biên bản kiểm kê, tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất của ông Nguyễn Đức P, vợ là bà Mai Thị H1, đại diện gia đình ông Nguyễn Đức P đã ký biên bản kiểm kê. Ngày 26/10/2020, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7631/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án B. Theo đó, thu hồi diện tích 498,5m² đất ở của ông P, bà H1; diện tích đất ở còn lại là 325,5m² đủ để ở. Cùng ngày, UBND huyện T ban hành Quyết định số 7659/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm theo là Phương án số 16/PA-TCT). Tổng số tiền ông P, bà H1 được bồi thường, hỗ trợ là: 5.494.517.794 đồng. Tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tiến hành niêm yết công khai Trích lục nguồn gốc đất và các quyết định nêu trên tại trụ sở UBND xã D; thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã và tiến hành giao cho ông P, bà H1. Trong thời gian niêm yết công khai các văn bản trên, Tổ công tác không nhận được ý kiến, kiến nghị về nguồn gốc đất cũng như phương án bồi thường liên quan đến hộ ông P, bà H1. Ngày 30/6/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3770/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (kèm theo là Phương án số 02/PA-TCT), số tiền được điều chỉnh bổ sung là: 133.112.905 đồng. UBND huyện T khi phê duyệt trích lục nguồn gốc đất cũng như ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đều tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H; các Điều 66, 69, 74, 75 của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 23/8/2023, bà H1 (mẹ đẻ của ông T) đã nhận đủ số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo phương án của UBND huyện T phê duyệt.

- Về điều kiện giao đất ở tái định cư:

Tại thời điểm kiểm kê, gia đình ông P, bà H1 có 09 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng đang ăn ở, sinh hoạt trên đất từ trước khi có thông báo thu hồi đất đến khi thu hồi đất, bao gồm ông P (chủ hộ), vợ là bà H1, các con: ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Đức T2, ông Nguyễn Đức T3. Gia đình ông T có vợ là bà Vũ Thị Như Q1, các con: Nguyễn Thảo L, Nguyễn Đức T4. Do diện tích đất ở còn lại là 325,5m², đủ để ở nên theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ thì hộ ông P không đủ điều kiện giao tái định cư khi thu hồi đất.

- Về Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất:

Ngày 12/10/2023, UBND huyện T nhận được đơn kiến nghị của ông T về việc giao đất tái định cư cho ông T với lý do ông T đã được ông P, bà H1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất 85,5m² trong tổng số diện tích đất ông P, bà H1 bị thu hồi 498,5m². Hợp đồng này được Văn phòng C3 chứng thực ngày 22/02/2017.

Theo quy định tại Điều 503 Bộ luật Dân sự và các Điều 95, 4, 17, 74, 75 Luật Đất đai năm 2013 thì ông T khi được tặng cho chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định pháp luật nên việc chuyển quyền sử dụng diện tích đất 85,5m² chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận, ghi nhận ông T được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này. Do vậy, ông T không thuộc trường hợp đủ điều kiện bồi thường về đất và xét giao đất tái định cư.

Ngày 12/10/2023, UBND huyện T nhận được đơn kiến nghị của ông T, đề nghị được xét giao 01 lô đất tái định cư cho hộ ông T khi thu hồi đất. Căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất và quy định của pháp luật về đất đai; ngày 02/11/2023, UBND huyện T đã ban hành Công văn số 3698/UBND-TTr về việc trả lời đơn kiến nghị của ông T. Theo đó, UBND huyện T không chấp nhận kiến nghị của ông T do không có cơ sở. Công văn số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 do UBND huyện T ban hành đúng thẩm quyền, thể thức, nội dung phù hợp với quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. Do vậy, UBND huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 347, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 15 Điều 3, khoản 3 Điều 188, các Điều 66, 67, 69, 74, 75, 79, 95 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 500, 503 Bộ luật Dân sự; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 3, Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 6, Điều 20 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; khoản 1 Điều 28 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H; khoản 1 Điều 30, Điều 31, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc:

- Huỷ toàn bộ Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ, giao đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/7/2024 người khởi kiện là ông Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và buộc UBND huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ, giao đất tái định cư cho gia đình ông Nguyễn Đức T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng ông T đã được bố, mẹ tặng cho diện tích 85,5m² đất, hợp đồng tặng cho được lập tại Văn phòng C3 ngày 22/02/2017 trước thời điểm có quyết định thu hồi đất. Hiện nay, gia đình ông T không có chỗ ở nào khác, phải đi ở nhờ. Mặt khác, theo phương án bồi thường thì UBND huyện T đã ghi nhận tài sản của ông T và được bồi thường toàn bộ. Bản án sơ thẩm tuyên là không khách quan, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người bị kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện đảm bảo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp

luật và xử không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Đức T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ cho nội dung kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 06/12/2023, ông Nguyễn Đức T khởi kiện đề nghị huỷ toàn bộ Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng và buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết và xác định còn trong thời hiệu khởi kiện là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án đảm bảo đúng thời hạn; hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 204, Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc thửa đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số seri AE 047477, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 01144/H/2006 ngày 04/5/2006 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Đức P, vợ là bà Mai Thị H1 được quyền sử dụng diện tích đất ở 824m² tại thửa số 166, tờ bản đồ số 02HQ; địa chỉ: Xóm T, xã D, huyện T, thành phố

Hải Phòng. Theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm K đo vẽ được Sở T5 ký duyệt ngày 29/12/2017 thể hiện: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 824,0m². Trích lục nguồn gốc đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư B tại xã D (viết tắt là Dự án B) đã được Phòng T6 thẩm định, xác định đối tượng quản lý sử dụng đất là ông Nguyễn Đức P, vợ là Mai Thị H1. Như vậy, chủ sử dụng hợp pháp diện tích 824m² đất ở là ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H1.

[2.2]. Theo Thông báo số 555/TB-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư B tại xã D, huyện T thì gia đình ông P, bà H1 bị thu hồi diện tích 498,5m² đất ở, diện tích đất ở ngoài chỉ giới thu hồi là 325,5m².

[2.3]. Theo Quyết định số 7659/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư B tại xã D, huyện T kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư B tại xã D, huyện T; Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, kèm theo Phương án số 02/PA-TCT ngày 30/6/2020; Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, kèm theo Phương án số 09/PA-TCT ngày 18/01/2021 đối với hộ gia đình ông P, bà H1 thì ông P, bà H1 được bồi thường số tiền 5.494.517.794 đồng. Do diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi của hộ ông P, bà H1 còn 325,5m², đủ để bố trí điều kiện ăn ở cho các thành viên trong hộ gia đình theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố H nên UBND huyện T không bố trí tái định cư cho hộ ông P, bà H1 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.4]. Đối với Hợp đồng tặng cho giữa ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H1 với ông Nguyễn Đức T lập ngày 22/02/2017 tại Văn phòng C3:

Quá trình kiểm kê đất, tài sản trên diện tích đất thu hồi ngày 16/4/2018, ông T không trình báo với Tổ kiểm kê, UBND huyện T, UBND xã D về việc đã được ông P, bà H1 tặng cho diện tích 85,5m² đất ở. Quá trình UBND huyện T thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông P, ông T đại diện kiến nghị về đơn giá bồi thường một số hạng mục nhưng cũng không đề cập đến nội dung này. Đến khoảng trước ngày 18/8/2023, ông T mới có đơn kiến nghị đề nghị xét giao cho ông T 01 lô đất tái định cư do ông T đã được ông P, bà H1 tặng cho 85,5m² trong tổng số diện tích đất 824m² tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2HQ. Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 95 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 503 Bộ luật Dân sự thì khi được tặng cho đất, ông T chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật,

chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận ông T được quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích 85,5m² đất ở này; do đó, ông T không phải là đối tượng bị thu hồi đất. Vì vậy, UBND huyện T không chấp nhận kiến nghị của ông T về việc xét giao 01 lô đất tái định cư là có cơ sở và phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 500, 503 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định pháp luật, quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc huỷ Văn bản số 3698/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và buộc UBND huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Đức T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2024/HC-ST ngày 19/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Đức T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000579 ngày 01/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải